|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:15/11/2023 | Tiết theo PPCT  | Ngày dạy  | Lớp | Tiết | Ghi chú |
| 46 | 21/11/2023 | 8A | 2 |  |
| 23/11/2023 | 8C | 1 |  |
| 20/11/2023 | 8D | 5 |  |
| 47 | 23/11/2023 | 8A | 1 |  |
| 23/11/2023 | 8C | 3 |  |
| 23/11/2023 | 8D | 5 |  |
| 48 | 23/11/2023 | 8A | 2 |  |
| 24/11/2023 | 8C | 1 |  |
| 25/11/2023 | 8D | 4 |  |

 **BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 2**

 *Thời gian thực hiện: 03tiết- Theo KHGDNT: Tiết 46;47;48*

**I. Mục tiêu:**
**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức về chủ đề 2: Acid- Base- pH- Oxide- Muối.

- Biết vận dụng các kiến thức vào bài tập, liên hệ thực tế.

**2. Năng lực:**

 **2.1.*Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ và tự học:* Chủ động, tích cực tìm hiểu được khái niệm về acid, base, oxide, muối, thang pH. Biết được tính chất của các loại hợp chất này.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Sử dụng ngôn ngữ khoa học để mô tả các khái niệm, hiện tượng. Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV, tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

 ***2.1. Năng lực khoa học tự nhiên:***

* *Nhận thức khoa học tự nhiên:* Hệ thống kiến thức đã học về chủ đề Acid- Base- pH- Oxide- Muối.
* *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học hoàn thành các bài tập chủ đề 2 trong SGK

**3. Phẩm chất**

* Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.
* Cẩn thận, trung thực và thực hiện các yêu cầu trong bài học.
* Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

 **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

* + SGK, SGV, SBT KHTN 8 phần Hóa học.
	+ Tranh ảnh, video liên quan đến bài học, phiếu học tập

 **2. Đối với học sinh**

- SGK, SBT KHTN 8 phần Hóa học.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

 **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

 **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu:**Khơi gợi kiến thức đã học trong chủ đề 2; tạo tâm thế hứng thú cho học sinh.
2. **Nội dung:**GV phát phiếu học tập, HS làm phiếu học tập
3. **Sản phẩm học tập:**HS hoàn thiện phiếu học tập.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành các nhóm, phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu các nhóm không sử dụng tài liệu và hoàn thành phiếu:

|  |
| --- |
| Họ tên:............................................................Lớp:............**PHIẾU HỌC TẬP****1. Acid****- Acid** là .................................................................................................................................................................................................................................................-Tính chất hóa học của acid............................................................................................................................................................................................................................................**2. Base**- Baselà ....................................................................................................- Tính chất hóa học của base..................................................................................................**3. Oxide**- Oxide là: .........................................................................................................................................................................................................................- Tính chất hóa học của Oxide....................................................................................................................................................................................................................................**4. Muối** - **Muối là**............................................................................................................................................................................................................................................................................................- Tính chất hóa học của muối:…………………………………………………………………………......................................................................................................................................................- Một số phương pháp điều chế muối:…………………………………………………………..**5. Phân bón hóa học**- Khái niệm:…………………………………………………………………………………….........................................................................................................................................................- Phân loại..............................................................................................................................................................................................................................................................................................- Tác động của phân bón đến môi trường:................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành phiếu học tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**-**Mỗi phần, GV mời đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá câu trả lời của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học: **Bài tập (Chủ đề 1)**

 **HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học thông qua làm bài tập chủ đề 2.
2. **Nội dung:**HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, liên hệ thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để hoàn thành Bài 1 – 8 SGK trang 72
3. **Sản phẩm học tập:**Kết quả làm Bài1 – 8 SGK trang 72
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS làm Bài1- 8 SGK trang 72:

Trong các chất sau, chất nào là acid, base, kiềm?

HCl, CuO, KOH, CaCO3, H2SO4, Fe(OH)2.

**Hướng dẫn giải:**

- Chất là acid: HCl, H2SO4.

- Chất là base: KOH, Fe(OH)2.

**Bài tập 2 trang 72 KHTN lớp 8:** Trong các chất sau, chất nào là muối, oxide base, oxide acid: CuSO4, SO2, MgCl2, CaO, Na2CO3. Viết tên gọi các muối.

**Hướng dẫn giải:**

- Chất là muối: CuSO4; MgCl2; Na2CO3.

Tên gọi các muối:

CuSO4: copper(II) sulfate.

MgCl2: magnesium chloride.

Na2CO3: sodium carbonate.

Chất là oxide base: CaO.

- Chất là oxide acid: SO2.

**Bài tập 3 trang 72 KHTN lớp 8:** Chất nào trong dãy chất sau: CuO, Mg(OH)2, Fe, SO2, HCl, CuSO4 tác dụng được với:

a) dung dịch NaOH.

b) dung dịch H2SO4 loãng.

Viết phương trình hoá học của các phản ứng (nếu có).

**Hướng dẫn giải:**

a) Các chất tác dụng được với dung dịch NaOH là: SO2, HCl, CuSO4.

Phương trình hoá học minh hoạ:

SO2 + 2NaOH → Na2SO3 + H2O

HCl + NaOH → NaCl + H2O

CuSO4 + 2NaOH → Cu(OH)2↓ + Na2SO4.

b) Các chất tác dụng được với dung dịch H2SO4 loãng là: CuO, Mg(OH)2, Fe.

Phương trình hoá học minh hoạ:

CuO + H2SO4 → CuSO4 + H2O

Mg(OH)2 + H2SO4 → MgSO4 + 2H2O

Fe + H2SO4 (loãng) → FeSO4 + H2↑.

**Bài tập 4 trang 72 KHTN lớp 8:** Viết các phương trình hoá học theo các sơ đồ sau:

a) HCl + ? − − − → NaCl + H2O

b) NaOH + ? − − − → Cu(OH)2↓ + ?

c) KOH + ? − − − → K2SO4 + ?

d) Ba(NO3)2 + ? − − − → BaSO4↓ + ?

**Hướng dẫn giải:**

a) HCl + NaOH → NaCl + H2O

b) 2NaOH + CuCl2 → Cu(OH)2↓ + 2NaCl

c) 2KOH + CuSO4 → K2SO4 + Cu(OH)2↓

d) Ba(NO3)2 + Na2SO4 → BaSO4↓ + 2NaNO3.

**Bài tập 5 trang 72 KHTN lớp 8:** Viết các phương trình hoá học theo các sơ đồ chuyển hoá sau:

a) CuO → CuSO4 → Cu(OH)2

b) Mg  → MgCl2  →  Mg(OH)2

c) NaOH  → Na2SO4 →  NaCl

d) K2CO3  → CaCO3  → CaCl2

**Hướng dẫn giải:**

a)

CuO + H2SO4 → CuSO4 + H2O

CuSO4 + 2NaOH → Cu(OH)2↓ + Na2SO4.

b)

Mg + 2HCl → MgCl2 + H2↑

MgCl2 + 2NaOH → Mg(OH)2↓ + 2NaCl.

c)

2NaOH + H2SO4 → Na2SO4 + 2H2O

Na2SO4 + BaCl2 → 2NaCl + BaSO4↓.

d)

K2CO3 + CaCl2 → CaCO3↓ + 2KCl

CaCO3 + 2HCl → CaCl2 + CO2↑ + H2O.

**Bài tập 6 trang 72 KHTN lớp 8:** Cho 100 ml dung dịch Na2SO4 0,5 M tác dụng vừa đủ với dung dịch BaCl2 thì thu được m gam kết tủa.

a) Viết phương trình hoá học của phản ứng xảy ra.

b) Tính m.

c) Tính nồng độ mol của dung dịch BaCl2, biết thể tích dung dịch BaCl2 đã dùng là 50 ml.

**Hướng dẫn giải:**

a) Phương trình hoá học của phản ứng xảy ra:

Na2SO4 + BaCl2 → BaSO4↓ + 2NaCl

b) Đổi 100 mL = 0,1 lít.

Theo bài ra: nNa2SO4=0,1×0,5=0,05(mol).

Theo phương trình hoá học: nBaSO4=nNa2SO4=0,05(mol).

Vậy m = 0,05 × (137 + 32 + 16 × 4) = 11,65 (gam).

c) Theo phương trình hoá học: nBaCl2=nNa2SO4=0,05(mol).

Đổi 50 mL = 0,05 lít.

Nồng độ mol của dung dịch BaCl2 là:

CM=nV=0,050,05=1M.

**Bài tập 7 trang 72 KHTN lớp 8:** Viết các phương trình hoá học điều chế MgCl2 trực tiếp từ NgO, Mg(OH)2, MgSO4.

Các phương trình hoá học:

MgO + 2HCl → MgCl2 + H2O

Mg(OH)2 + 2HCl → MgCl2 + 2H2O

MgSO4 + BaCl2 → MgCl2 + BaSO4↓

**Bài tập 8 trang 72 KHTN lớp 8:** Biết dung dịch NaCl có pH bằng 7. Chỉ dùng quỳ tím, nêu cách nhận biết các dung dịch không màu, đựng trong ba ống nghiệm riêng rẽ: NaOH, HCl và NaCl.

**Hướng dẫn giải:**

Cho vào mỗi ống nghiệm một mẩu quỳ tím:

- Quỳ tím chuyển sang màu xanh → dung dịch NaOH.

- Quỳ tím chuyển sang màu đỏ → dung dịch HCl.

- Quỳ tím không chuyển màu → dung dịch NaCl.

**\*Về nhà HS làm hết các bài tập 9 còn lại.**

Hướng dẫn bài 9:

a) Lượng N đã cung cấp cho cây trong cả bốn thời kì là:

0,05 + 0,084 + 0,084 + 0,096 = 0,314 (kg).

b) Nguyên tố dinh dưỡng potassium được bổ sung cho cây nhiều nhất ở thời kì bón thúc quả lớn, tăng dưỡng chất cho quả.